

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15,
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13;

Căn cứ Luật Tố cáo số 25/2018/QH14;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật
Khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn
bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4
năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức,
hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định
số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà
soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Nghị định số
155/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi
tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo; Nghị định số
156/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo;*

*Căn cứ Nghị định số 141/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân
định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà
nước của Thanh tra Chính phủ;*

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-TTCT của Tổng Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thực hiện một số quy định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ liên quan đến chính quyền địa phương 02 cấp;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 17/TTr-TTR ngày 07 tháng 7 năm 2026 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 402/BC-STP ngày 29 tháng 6 năm 2026 và ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 8 năm 2026.

2. Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về thụ lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi được tiếp tục áp dụng tại số thứ tự 67 Phụ lục kèm theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Nguyễn Đức Tâm

QUY ĐỊNH
Về giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
(Ban hành kèm theo Quyết định số 145/2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Những nội dung về giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không được quy định trong Quy định này thì được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Tiếp công dân tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ban Tiếp công dân tỉnh.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc Tổ xác minh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao hoặc phân công thực hiện việc thụ lý, xác minh, tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo.

4. Người khiếu nại, người tố cáo, người bị khiếu nại, người bị tố cáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ liên quan trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến việc tiếp công dân, thụ lý, xác minh và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương II
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Điều 3. Khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Khiếu nại lần đầu đối với quyết định kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức.

3. Khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết.

Điều 4. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại

Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại, đã được bổ sung bởi Điều 12 Nghị định số 155/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ.

Điều 5. Thụ lý, giao nhiệm vụ xác minh

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ xử lý đơn khiếu nại xác định vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo, dự thảo văn bản tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thụ lý, giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tiếp nhận đơn khiếu nại thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý nhưng thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì có trách nhiệm tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thụ lý, giao nhiệm vụ xác minh theo quy định của pháp luật.

3. Khi tiếp nhận văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thụ lý và giao nhiệm vụ xác minh theo quy định của pháp luật; đồng thời, chuyển đơn và hồ sơ, tài liệu có liên quan đến cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc Tổ xác minh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao xác minh.

Điều 6. Phân định trách nhiệm xác minh khiếu nại

1. Đối với khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định hành chính, quyết định kỷ luật, hành vi hành chính bị khiếu nại chịu trách nhiệm xác minh, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp người khiếu nại có nội dung tố cáo cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định hành chính, quyết định kỷ luật, thực hiện hành vi hành chính bị khiếu nại, hoặc người khiếu nại có phản ánh, kiến nghị không giao cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đó xác minh thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Thanh tra tỉnh hoặc thành lập Tổ xác minh để xác minh theo quy định của pháp luật.

2. Khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết lần hai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao Thanh tra tỉnh hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác hoặc Tổ xác minh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập xác minh, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết.

3. Thanh tra tỉnh tiến hành xác minh và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vụ việc liên quan đến nhiều ngành, địa phương hoặc các vụ việc phức tạp mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thấy cần thiết giao Thanh tra tỉnh.

4. Trường hợp vụ việc có tính chất đông người, tiềm ẩn phát sinh yếu tố gây mất an ninh trật tự trên địa bàn thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cơ quan, tổ chức liên quan đến lĩnh vực chuyên môn có phát sinh vụ việc chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn tiến hành xác minh, kết luận và kiến nghị biện pháp giải quyết hoặc thành lập tổ xác minh liên ngành để xác minh, làm rõ và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết.

Điều 7. Xác minh và kết luận, kiến nghị biện pháp giải quyết

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc Tổ xác minh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ xác minh tiến hành xác minh theo quy định của Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13; Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Việc xác minh phải thực hiện trong thời hạn pháp luật đã quy định. Trường hợp trong quá trình xác minh phát sinh những vướng mắc, trở ngại khách quan không thể hoàn thành trong thời hạn thì phải có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và thông báo cho người khiếu nại biết rõ lý do.

3. Trong quá trình xác minh phải đảm bảo tạo điều kiện người khiếu nại và các bên liên quan thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 12 Luật số 02/2011/QH13 được sửa đổi bởi khoản 5 Điều 2 Luật số 136/2025/QH15, Điều 13 và Điều 16 Luật số 02/2011/QH13.

4. Các kết luận, kiến nghị phải nêu rõ bằng chứng và phải viện dẫn cụ thể điều khoản của văn bản pháp luật áp dụng.

5. Báo cáo kết quả xác minh khiếu nại, kết quả đối thoại gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phải kèm theo dự thảo quyết định giải quyết khiếu nại.

Điều 8. Đối thoại với người khiếu nại

1. Đối với khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết lần đầu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối thoại với người khiếu nại và các tổ chức, cá nhân có liên quan nếu yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh còn nội dung khác nhau. Trừ trường hợp khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải tổ chức đối thoại theo quy định.

2. Đối với khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết lần hai, các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc Tổ xác minh được giao nhiệm vụ xác minh đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thể phân công Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ xác minh đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trước khi tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Trong quá trình đối thoại, cơ quan, tổ chức, cá nhân được phân công đối thoại phải kịp thời báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về những nội dung phức tạp, vượt quá thẩm quyền; kết thúc đối thoại phải báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả đối thoại và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo.

Trường hợp khiếu nại phức tạp (có nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung, có nhiều ý kiến khác nhau của các cơ quan có thẩm quyền về biện pháp giải quyết, người khiếu nại có thái độ gay gắt, dư luận xã hội quan tâm, vụ việc ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội), cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc Tổ xác minh được giao nhiệm vụ xác minh báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để trực tiếp chủ trì đối thoại, đồng thời phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị nội dung đối thoại.

3. Việc đối thoại trong giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 2 Luật số 136/2025/QH15 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Điều 9. Rút khiếu nại và đình chỉ việc giải quyết khiếu nại

1. Người khiếu nại có thể rút toàn bộ nội dung khiếu nại tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình khiếu nại và giải quyết khiếu nại theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 2 Luật số 136/2025/QH15. Khi người khiếu nại rút toàn bộ nội dung khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc Tổ xác minh được giao nhiệm vụ xác minh có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 11a Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13, được bổ sung tại khoản 4 Điều 2 Luật số 136/2025/QH15.

2. Người khiếu nại có thể rút một phần nội dung khiếu nại tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình khiếu nại và giải quyết khiếu nại theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13, được sửa đổi, bổ sung tại

khoản 3 Điều 2 Luật số 136/2025/QH15. Trường hợp người khiếu nại rút một phần nội dung khiếu nại thì cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc Tổ xác minh được giao nhiệm vụ xác minh tiếp tục tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết đối với phần nội dung khiếu nại còn lại theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức việc kiểm tra, rà soát báo cáo kết quả xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết, kết quả đối thoại và dự thảo quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc Tổ xác minh được giao nhiệm vụ xác minh vụ việc đã trình về hình thức văn bản, thẩm quyền giải quyết, căn cứ pháp lý để giải quyết, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền trong thời hạn phù hợp để đảm bảo thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định.

2. Trường hợp sau khi trình báo cáo xác minh và dự thảo quyết định giải quyết khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu xác minh bổ sung thì cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc Tổ xác minh được giao nhiệm vụ xác minh phải báo cáo bổ sung, trình dự thảo quyết định giải quyết khiếu nại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu. Sau khi nhận được dự thảo quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ xác minh, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện như khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc Tổ xác minh được giao nhiệm vụ xác minh đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đưa vụ việc ra thảo luận ý kiến với các cơ quan chuyên môn khác để xem xét trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thì Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phải xếp lịch họp theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp tại cuộc họp tham gia ý kiến, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết luận đã đủ điều kiện giải quyết thì trong thời hạn 05 ngày tiếp theo sau khi kết thúc cuộc họp cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc Tổ xác minh được giao nhiệm vụ xác minh phải trình dự thảo quyết định giải quyết khiếu nại (qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh). Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện như khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp sau khi họp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu phải xác minh, thu thập thêm tài liệu hoặc trưng cầu giám định thì trong thời hạn 05 ngày Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phải ra văn bản thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện. Sau khi có kết quả xác minh bổ sung hoặc kết quả giám định, nếu không có tình tiết phức tạp cần phải họp lại thì sau khi nhận được báo cáo kết quả xác minh bổ sung hoặc kết quả giám định và dự thảo Quyết định giải quyết khiếu nại, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện như khoản 1 Điều này.

Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu phải họp lại thì thực hiện như khoản 3 Điều này.

5. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc Tổ xác minh làm nhiệm vụ xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết không đề nghị tổ chức họp thảo luận, lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn có liên quan để xem xét nhưng qua kiểm tra, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phát hiện được những vấn đề chưa rõ, cần bổ sung, sửa đổi thì tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc Tổ xác minh thực hiện. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ khi nhận được ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc Tổ xác minh phải hoàn chỉnh và trình dự thảo quyết định giải quyết khiếu nại. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện như khoản 1 Điều này.

Điều 11. Gửi và công khai quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, Tổng Thanh tra Chính phủ, Bộ quản lý chuyên ngành, Trụ sở Tiếp công dân Trung ương đặt tại Hà Nội, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân đã chuyển khiếu nại đến, Trụ sở Tiếp công dân của tỉnh và Thanh tra tỉnh.

2. Việc công khai quyết định giải quyết khiếu nại thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP.

Điều 12. Tổ chức thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật

Việc tổ chức thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật được thực hiện theo quy định tại Chương V Nghị định số 124/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi bởi Điều 14 Nghị định số 155/2026/NĐ-CP.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, theo chức năng, nhiệm vụ, thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý trách nhiệm các tập thể, cá nhân không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc chậm thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III

GIẢI QUYẾT TỔ CÁO

Điều 13. Tổ cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 3 và khoản 7 Điều 12 Luật Tố cáo số 25/2018/QH14, được bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật số 136/2025/QH15.

2. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Luật Tố cáo số 25/2018/QH14, được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 2 Điều 3 Luật số 136/2025/QH15.

3. Tố cáo mà người đứng đầu cơ quan cấp dưới trực tiếp đã giải quyết nhưng phát hiện có một trong các dấu hiệu vi phạm pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Luật Tố cáo số 25/2018/QH14.

4. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật, có nội dung phức tạp hoặc liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp.

Điều 14. Quy trình giải quyết tố cáo

Quy trình giải quyết tố cáo được thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương III Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 và Mục 1 Chương III Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2, Điều 3, Điều 4 Nghị định số 156/2026/NĐ-CP.

Điều 15. Thụ lý giải quyết tố cáo

1. Việc thụ lý tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát sinh đến Trụ sở Tiếp công dân tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật về tiếp công dân.

2. Đối với đơn tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực quy định tại khoản 4 Điều 13 Quy định này, Thanh tra tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thụ lý, giao cơ quan, tổ chức, cá nhân khác chủ trì xác minh, tham mưu giải quyết hoặc quyết định thành lập Tổ xác minh để xác minh, tham mưu giải quyết.

Việc giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong trường hợp này thực hiện theo quy định tại Điều 42, Điều 43 Luật số 25/2018/QH14.

Điều 16. Tổ chức xác minh tố cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc Tổ xác minh được giao nhiệm vụ xác minh tiến hành xác minh nội dung tố cáo theo quy định tại Điều 31 Luật Tố cáo số 25/2018/QH14, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 Nghị định số 31/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số

156/2026/NĐ-CP; áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để thu thập thông tin, tài liệu, làm rõ nội dung tố cáo; chịu trách nhiệm về tính chính xác, khách quan, trung thực, đầy đủ và đúng pháp luật của báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo và kiến nghị biện pháp xử lý hành vi vi phạm pháp luật.

2. Trong trường hợp cần thiết phải kéo dài thời gian xác minh tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc Tổ xác minh được giao nhiệm vụ xác minh phải báo cáo đề xuất bằng văn bản để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc gia hạn giải quyết tố cáo.

Điều 17. Yêu cầu đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc Tổ xác minh được giao nhiệm vụ xác minh tố cáo

Quá trình xác minh tố cáo phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật về giải quyết tố cáo và các yêu cầu sau:

1. Phải đảm bảo giữ bí mật họ, tên, địa chỉ, bút tích và các thông tin cá nhân khác của người tố cáo theo quy định tại Điều 56 Luật số 25/2018/QH14; thực hiện hoặc kiến nghị người, cơ quan có thẩm quyền thực hiện các biện pháp để bảo vệ người tố cáo theo quy định tại Điều 57, Điều 58 Luật số 25/2018/QH14.

2. Không được cử người có quan hệ huyết thống, tình cảm, kinh tế với đối tượng bị tố cáo tham gia xác minh vụ việc; trường hợp người có thẩm quyền cử không biết về mối quan hệ này thì người được cử phải có trách nhiệm báo cáo đầy đủ, trung thực với người có thẩm quyền; việc báo cáo phải bằng văn bản.

3. Phải tạo điều kiện để người bị tố cáo được giải trình, đưa ra các chứng cứ để chứng minh tính đúng, sai của nội dung tố cáo cần xác minh. Việc tiếp nhận giải trình của người bị tố cáo phải được lập thành biên bản có chữ ký của người xác minh nội dung tố cáo và người bị tố cáo.

4. Sau khi kết thúc việc xác minh, cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc Tổ xác minh được giao nhiệm vụ xác minh phải có văn bản báo cáo kết quả xác minh và kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo, đồng thời gửi kèm theo dự thảo kết luận và văn bản xử lý tố cáo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 18. Kết luận nội dung tố cáo và xử lý kết luận vi phạm

1. Thông báo dự thảo kết luận nội dung tố cáo:

a) Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thông báo dự thảo Kết luận nội dung tố cáo để người bị tố cáo biết và tiếp tục giải trình. Việc thông báo có thể thực hiện bằng hình thức gửi dự thảo kết luận hoặc tổ chức cuộc họp để thông báo. Trường hợp tổ chức cuộc họp thì nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản, ghi nhận đầy đủ ý kiến của những người được thông báo, có chữ ký xác nhận của người chủ trì và người được

thông báo, đồng thời không được làm lộ bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích và thông tin cá nhân khác của người tố cáo.

b) Trường hợp trong dự thảo Kết luận nội dung tố cáo có thông tin thuộc bí mật nhà nước hoặc các thông tin có hại cho người tố cáo thì không thông báo những thông tin đó.

2. Kết luận nội dung tố cáo:

a) Căn cứ vào nội dung tố cáo, văn bản giải trình của người bị tố cáo, kết quả xác minh nội dung tố cáo, dự thảo kết luận nội dung tố cáo, tài liệu, chứng cứ có liên quan, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết luận bằng văn bản về nội dung tố cáo. Kết luận nội dung tố cáo được thực hiện theo mẫu quy định;

b) Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc Tổ xác minh được giao xác minh, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu phải tổ chức họp thảo luận ý kiến với các cơ quan chuyên môn có liên quan thì thực hiện như quy định tại các khoản 3, 4 Điều 10 của Quy định này.

3. Xử lý tố cáo:

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp cùng cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc Tổ xác minh chịu trách nhiệm tham mưu xử lý như sau:

a) Trường hợp kết luận người bị tố cáo không vi phạm quy định trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản cho người bị tố cáo, cơ quan quản lý người bị tố cáo biết, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo bị xâm phạm do việc tố cáo không đúng sự thật gây ra, đồng thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật;

b) Trường hợp kết luận người bị tố cáo vi phạm quy định trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp kết luận hành vi bị tố cáo có dấu hiệu tội phạm thì tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền và yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc Tổ xác minh được giao nhiệm vụ xác minh bàn giao hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra hoặc Viện kiểm sát trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận chỉ đạo bàn giao hồ sơ;

d) Trong trường hợp người bị tố cáo có vi phạm pháp luật phải xử phạt vi phạm hành chính thì cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc Tổ xác minh được giao

nhệm vụ xác minh kịp thời tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử phạt hoặc chỉ đạo xử phạt vi phạm hành chính theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 19. Gửi kết luận nội dung tố cáo và công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo

1. Việc gửi kết luận nội dung tố cáo được thực hiện theo khoản 3 Điều 35 Luật số 25/2018/QH14.

2. Việc công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo thực hiện theo quy định tại Điều 40 Luật số 25/2018/QH14 và Điều 6 Nghị định số 31/2019/NĐ-CP.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo cho người tố cáo bằng một trong hai hình thức sau đây:

a) Gửi văn bản kết luận nội dung tố cáo và các quyết định, văn bản xử lý tố cáo. Trường hợp trong các văn bản nói trên có nội dung thuộc bí mật nhà nước thì phải trích văn bản để loại bỏ những thông tin đó trước khi gửi cho người tố cáo;

b) Gửi văn bản thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo. Việc thông báo kết quả phải đảm bảo không tiết lộ các nội dung thuộc bí mật nhà nước.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm tổ chức thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện nghiêm Quy định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm căn cứ Quy định này để phân công, phối hợp giữa cá nhân, tổ chức trong nội bộ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trụ sở Tiếp công dân của tỉnh; phối hợp với Chánh Thanh tra tỉnh kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, theo dõi, tổng hợp ý kiến, đánh giá về tình hình thực hiện Quy định này, báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cá nhân, tổ chức có thành tích hoặc xử lý hành vi vi phạm theo quy định.

Điều 21. Áp dụng các biểu mẫu giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Các biểu mẫu sử dụng trong công tác giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2020/NĐ-CP và Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2026/NĐ-CP.

2. Các biểu mẫu sử dụng trong công tác giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2019/NĐ-CP và Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 156/2026/NĐ-CP.

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Thanh tra tỉnh*) để xem xét sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp./.
